



**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM HỢP ĐỒNG  
MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CHUNG**  
**REQUEST AND CONTRACT TO OPEN AND USE JOINT ACCOUNT**

**Áp dụng cho Khách hàng tổ chức/For organization**

Ngày/Date .....tháng/month.....năm/year.....

Mở tài khoản  
(Opening account)

Thay đổi thông tin  
(Changing information)

**Kính gửi: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương – Chi nhánh: .....**

**To: SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE (SAIGONBANK) - Branch:...**

<b>A. PHẦN ĐỀ NGHỊ CỦA KHÁCH HÀNG (CUSTOMER REQUEST)</b>		
<b>TÊN TÀI KHOẢN (ACCOUNT NAME): TÀI KHOẢN CHUNG .....</b>		
<b>I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG (CUSTOMER'S INFORMATION)</b>		
<b>THÔNG TIN (INFORMATION)</b>	<b>CHỦ TÀI KHOẢN THỨ NHẤT (1<sup>ST</sup> ACCOUNT HOLDER)</b>	<b>CHỦ TÀI KHOẢN THỨ HAI (2<sup>ND</sup> ACCOUNT HOLDER)</b>
1. Tên tổ chức: (Organization's name)	..... .....	..... .....
2. Tên tiếng Anh: (English name)	..... .....	..... .....
3. Tên viết tắt: (Short name)	.....	.....
4. Địa chỉ trụ sở chính: (Headquarter address)	..... .....	..... .....
5. Địa chỉ giao dịch: (Trading address)	..... .....	..... .....
6. Mã số thuế: (Tax code)	.....	.....
7. Cư trú: (Resident)	<input type="checkbox"/> Có (Yes) <input type="checkbox"/> Không (No)	<input type="checkbox"/> Có (Yes) <input type="checkbox"/> Không (No)
8. Mã số doanh nghiệp (Business code): Ngày cấp (Date of issue): Nơi cấp (Place of issue):	..... ..... .....	..... ..... .....
9. Giấy phép hoạt động số: (Operating license No.) Ngày cấp (Date of issue): Nơi cấp (Place of issue):	..... ..... .....	..... ..... .....
10. Quyết định thành lập số: (Establishment license No.) Ngày cấp (Date of issue): Nơi cấp (Place of issue):	..... ..... .....	..... ..... .....
11. Số điện thoại (Phone No.):	.....	.....
12. Fax:	.....	.....
13. Website:	.....	.....

14. Email nhận hóa đơn điện tử: (E-mail address to receive e-invoice)	.....	.....
15. Loại hình tổ chức: (Type of Entity)	.....	.....
16. Ngành nghề kinh doanh: (Business line)	.....	.....
17. Thông tin nhằm tuân thủ đạo luật FATCA: (Information for FATCA Compliance)	<input type="checkbox"/> Tổ chức có QĐTL/GPĐKKD/GPĐT tại Mỹ (Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-9 và cung cấp Mã số thuế Mỹ tương ứng). Mã số thuế Mỹ: ..... (Organizations with establishment licenses/business registration/operation registration in the U.S. (If applicable, please complete Form W-9 and provide the corresponding U.S. Tax ID). U.S. Tax ID:...) <input type="checkbox"/> Tổ chức có được xem như một Định chế tài chính ngoài Mỹ theo quy định của FATCA (Nếu có, vui lòng cung cấp mã số GIIN, hoặc điền Mẫu W-8BEN-E nếu tổ chức không có mã số GIIN). Mã số GIIN: ..... (Whether the organization is considered a Non-U.S. Financial Institution in accordance with FATCA (If applicable, please provide a GIIN number, or complete Form W-8BEN-E if the organization does not have a GIIN number). GIIN number:..) <input type="checkbox"/> Tổ chức có nhà đầu tư/cổ đông là người Mỹ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% trở lên vốn điều lệ công ty (Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-8BEN-E). Mã số thuế Mỹ: ..... (Organizations whose American investors/shareholders directly or indirectly own from 25% or more of the company's charter capital (If applicable, please complete Form W-8BEN-E). U.S. Tax ID:..) <input type="checkbox"/> Không phải các đối tượng trên (None of the above)	<input type="checkbox"/> Tổ chức có QĐTL/GPĐKKD/GPĐT tại Mỹ (Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-9 và cung cấp Mã số thuế Mỹ tương ứng). Mã số thuế Mỹ: ..... (Organizations with establishment licenses/business registration/operation registration in the U.S. (If applicable, please complete Form W-9 and provide the corresponding U.S. Tax ID). U.S. Tax ID:...) <input type="checkbox"/> Tổ chức có được xem như một Định chế tài chính ngoài Mỹ theo quy định của FATCA (Nếu có, vui lòng cung cấp mã số GIIN, hoặc điền Mẫu W-8BEN-E nếu tổ chức không có mã số GIIN). Mã số GIIN: ..... (Whether the organization is considered a Non-U.S. Financial Institution in accordance with FATCA (If applicable, please provide a GIIN number, or complete Form W-8BEN-E if the organization does not have a GIIN number). GIIN number:..) <input type="checkbox"/> Tổ chức có nhà đầu tư/cổ đông là người Mỹ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% trở lên vốn điều lệ công ty (Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-8BEN-E). Mã số thuế Mỹ: ..... (Organizations whose American investors/shareholders directly or indirectly own from 25% or more of the company's charter capital (If applicable, please complete Form W-8BEN-E). U.S. Tax ID:..) <input type="checkbox"/> Không phải các đối tượng trên (None of the above)

<b>II. THÔNG TIN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT (LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION)</b>		
1. Họ tên (Full name):	.....	.....
2. Chức vụ (Position):	.....	.....
3. Ngày sinh (Date of birth):	.....	.....
4. Nơi sinh (Place of Birth):	.....	.....
5. Mã số thuế (nếu có): (Tax codes number (if any))	.....	.....
6. Quốc tịch (Nationality):	.....	.....
7. Dân tộc (Ethnicity):	.....	.....
8. Giới tính (Gender):	<input type="checkbox"/> Nam (Male) <input type="checkbox"/> Nữ (Female)	<input type="checkbox"/> Nam (Male) <input type="checkbox"/> Nữ (Female)
9. Người cư trú (Resident):	<input type="checkbox"/> Có (Yes) <input type="checkbox"/> Không (No)	<input type="checkbox"/> Có (Yes) <input type="checkbox"/> Không (No)

10. CMND/CC/CCCD/Hộ chiếu: <i>(ID/Citizen ID/Passport)</i>	Số (No.): ..... Nơi cấp: ..... <i>(Place of issue)</i> Ngày cấp: ..... <i>(Date of issue)</i> Ngày hết hạn: ..... <i>(Expiry date)</i>	Số (No.): ..... Nơi cấp: ..... <i>(Place of issue)</i> Ngày cấp: ..... <i>(Date of issue)</i> Ngày hết hạn: ..... <i>(Expiry date)</i>
11. Số thị thực nhập cảnh (nếu có): <i>(Entry Visa No. (if any))</i>	Số (No.): ..... Nơi cấp: ..... <i>(Place of issue)</i> Ngày cấp: ..... <i>(Date of issue)</i> Ngày hết hạn: ..... <i>(Expiry date)</i>	Số (No.): ..... Nơi cấp: ..... <i>(Place of issue)</i> Ngày cấp: ..... <i>(Date of issue)</i> Ngày hết hạn: ..... <i>(Expiry date)</i>
12. Địa chỉ thường trú: <i>(Permanent residential address)</i>	..... .....	..... .....
13. Địa chỉ liên hệ: <i>(Current address)</i>	..... .....	..... .....
14. Địa chỉ ở nước ngoài: <i>(Oversea address)</i>	..... .....	..... .....
15. Số điện thoại (Phone No.):	.....	.....
16. E-mail:	.....	.....
17. Quốc tịch khác: <i>(Other Nationalities.)</i> Hộ chiếu (Passport No.): Nơi cấp (Place of issue): Ngày cấp (Date of issue): Ngày hết hạn (Expiry date): Địa chỉ cư trú (Registered residential address): Mã ZIP (ZIP code): Số điện thoại (Phone No.):	..... ..... ..... ..... ..... ..... .....	..... ..... ..... ..... ..... ..... .....
18. Số thẻ xanh của Hoa Kỳ (nếu có) (US green card holder No. /US permanent resident No. (if any): Nơi cấp (Place of issue): Ngày cấp (Date of issue): Ngày hết hạn (Expiry date):	..... ..... ..... .....	..... ..... ..... .....
<b>THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TUÂN THỦ FATCA</b> <b>(LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION FOR FATCA COMPLIANCE)</b>		
1. Là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ (Being a U.S. citizen or U.S. resident individual?):	<input type="checkbox"/> Có. Vui lòng điền mẫu đơn W-9 ( Yes. Please complete the form W-9) <input type="checkbox"/> Không (No)	<input type="checkbox"/> Có. Vui lòng điền mẫu đơn W-9 ( Yes. Please complete the form W-9) <input type="checkbox"/> Không (No)

<p>2. Không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú Hoa Kỳ nhưng có một trong những dấu hiệu Hoa Kỳ như sau: <i>(Being not a U.S. citizen or U.S. resident, but having one of the U.S. signs is as follows):</i></p> <p>-Có nơi sinh tại Hoa Kỳ <i>(Having the place of birth in the U.S.):</i></p> <p>-Có địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ <i>(Having a U.S mailing or permanent address in the U.S.):</i></p> <p>-Có số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ <i>(Having a contact number in U.S.):</i></p> <p>-Có địa chỉ gửi nhờ thư hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ <i>(Having address on file which is in care of or hold mail in the U.S.):</i></p> <p>-Có lệnh chuyển tiền định kỳ tới một tài khoản mở tại Hoa Kỳ hoặc định kỳ nhận được khoản tiền từ một tài khoản mở tại Hoa Kỳ <i>(Having periodic standing instructions to transfer funds to an account maintained in the US or periodically receiving funds from an account opened in the US.):</i></p> <p>-Có ủy quyền còn hiệu lực cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ <i>(Granting a valid authorization for an individual/entity with an address in the U.S.):</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Có. Vui lòng điều mẫu đơn W-9 hoặc W-8BEN <i>(Yes. Please complete the form W-9 or W8-BEN)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Có. Vui lòng điều mẫu đơn W-9 hoặc W-8BEN <i>(Yes. Please complete the form W-9 or W8-BEN)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p>
---	--	--

<b>III. THÔNG TIN KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN</b> <b>(INFORMATION OF CHIEF ACCOUNTANT/THE PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING)</b>		
1.Họ tên <i>(Full name):</i>	.....	.....
2.Chức vụ <i>(Position):</i>	.....	.....
3.Ngày sinh <i>(Date of birth):</i>	.....	.....
4.Nơi sinh <i>(Place of Birth):</i>	.....	.....
5.Mã số thuế (nếu có): <i>(Tax codes number (if any))</i>	.....	.....
6.Quốc tịch <i>(Nationality):</i>	.....	.....
7.Dân tộc <i>(Ethnicity):</i>	.....	.....
8.Giới tính <i>(Gender):</i>	<input type="checkbox"/> Nam <i>(Male)</i> <input type="checkbox"/> Nữ <i>(Female)</i>	<input type="checkbox"/> Nam <i>(Male)</i> <input type="checkbox"/> Nữ <i>(Female)</i>
9.Người cư trú <i>(Resident):</i>	<input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i> <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i>	<input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i> <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i>

10. CMND/CC/CCCD/Hộ chiếu: <i>(ID/Citizen ID/Passport)</i>	Số (No.): ..... Nơi cấp: ..... <i>(Place of issue)</i> Ngày cấp: ..... <i>(Date of issue)</i> Ngày hết hạn: ..... <i>(Expiry date)</i>	Số (No.): ..... Nơi cấp: ..... <i>(Place of issue)</i> Ngày cấp: ..... <i>(Date of issue)</i> Ngày hết hạn: ..... <i>(Expiry date)</i>
11. Số thị thực nhập cảnh (nếu có): <i>(Entry Visa No. (if any))</i>	Số (No.): ..... Nơi cấp: ..... <i>(Place of issue)</i> Ngày cấp: ..... <i>(Date of issue)</i> Ngày hết hạn: ..... <i>(Expiry date)</i>	Số (No.): ..... Nơi cấp: ..... <i>(Place of issue)</i> Ngày cấp: ..... <i>(Date of issue)</i> Ngày hết hạn: ..... <i>(Expiry date)</i>
12. Địa chỉ thường trú: <i>(Permanent residential address)</i>	..... .....	..... .....
13. Địa chỉ liên hệ: <i>(Current address)</i>	..... .....	..... .....
14. Địa chỉ ở nước ngoài: <i>(Oversea address)</i>	..... .....	..... .....
15. Số điện thoại (Phone No.):	.....	.....
16. E-mail:	.....	.....
17. Quốc tịch khác <i>(Other Nationalities.):</i> Hộ chiếu (Passport No.): Nơi cấp (Place of issue): Ngày cấp (Date of issue): Ngày hết hạn (Expiry date): Địa chỉ cư trú: (Registered residential address) Mã ZIP (ZIP code): Số điện thoại (Phone No.):	..... ..... ..... ..... ..... ..... ..... .....	..... ..... ..... ..... ..... ..... ..... .....
18. Số thẻ xanh của Hoa Kỳ (nếu có) (US green card holder No. /US permanent resident No. (if any): Nơi cấp (Place of issue): Ngày cấp (Date of issue): Ngày hết hạn (Expiry date):	..... ..... ..... .....	..... ..... ..... .....
<b>THÔNG TIN KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN TUÂN THỦ FATCA</b> <b>(INFORMATION OF CHIEF ACCOUNTANT/THE PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING FOR FATCA COMPLIANCE)</b>		
1. Là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ (Being a U.S. citizen or U.S. resident individual?):	<input type="checkbox"/> Có. Vui lòng điều mẫu đơn W-9 <i>( Yes. Please complete the form W-9)</i> <input type="checkbox"/> Không (No)	<input type="checkbox"/> Có. Vui lòng điều mẫu đơn W-9 <i>( Yes. Please complete the form W-9)</i> <input type="checkbox"/> Không (No)

<p>2. Không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú Hoa Kỳ nhưng có một trong những dấu hiệu Hoa Kỳ như sau: <i>(Being not a U.S. citizen or U.S. resident, but having one of the U.S. signs is as follows):</i></p> <p>-Có nơi sinh tại Hoa Kỳ <i>(Having the place of birth in the U.S.):</i></p> <p>-Có địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ <i>(Having a U.S mailing or permanent address in the U.S.):</i></p> <p>-Có số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ <i>(Having a contact number in U.S.):</i></p> <p>-Có địa chỉ gửi nhờ thư hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ <i>(Having address on file which is in care of or hold mail in the U.S.):</i></p> <p>-Có lệnh chuyển tiền định kỳ tới một tài khoản mở tại Hoa Kỳ hoặc định kỳ nhận được khoản tiền từ một tài khoản mở tại Hoa Kỳ <i>(Having periodic standing instructions to transfer funds to an account maintained in the US or periodically receiving funds from an account opened in the US.):</i></p> <p>-Có ủy quyền còn hiệu lực cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ <i>(Granting a valid authorization for an individual/entity with an address in the U.S.):</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Có. Vui lòng điều mẫu đơn W-9 hoặc W-8BEN <i>(Yes. Please complete the form W-9 or W8-BEN)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Có. Vui lòng điều mẫu đơn W-9 hoặc W-8BEN <i>(Yes. Please complete the form W-9 or W8-BEN)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i>      <input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p>
<p><b>IV. THÔNG TIN KHÁC CỦA ĐƠN VỊ (OTHER INFORMATION)</b></p>		
<p><b>Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của đơn vị</b> <i>(Information of the organization's beneficial owners):</i> (Cổ đông là cá nhân/tổ chức nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% trở lên Vốn điều lệ) <i>(Shareholders are individuals/ organizations that directly or indirectly hold from 25% or more of charter capital)</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Cá nhân. Điền mẫu số 11 <i>(Individual. Fill out form 11)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức. Điền mẫu số 12 <i>(Organization. Fill out form 12)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Có <i>(Yes)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Cá nhân. Điền mẫu số 11 <i>(Individual. Fill out form 11)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức. Điền mẫu số 12 <i>(Organization. Fill out form 12)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p>
<p><b>V. CÁC YÊU CẦU VỀ MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN (REQUESTS ATTACHING TO OPENING AND USING ACCOUNT)</b></p>		
<p><b>1. Đăng ký ủy quyền sử dụng tài khoản</b> <i>(Registering to grant authorization of account to another person):</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có. Điền mẫu số 11 <i>(Yes. Fill out form 11)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không <i>(No)</i></p>		

**2. Các yêu cầu về mở và sử dụng tài khoản chung (Requests for joint account type)**

Loại tài khoản (Type of A/C):  Tài khoản thanh toán (Current account)  Tài khoản vốn đầu tư (Investment account)  
 Tài khoản giải ngân (Disbursement account)  Tài khoản vốn chuyên dùng (Dedicated capital account)  
 Tiền gửi có kỳ hạn (Time deposit account)  
 Tài khoản khác (Others): .....

Loại tiền (Currency):  VND  USD  Ngoại tệ khác (Others): .....

Mục đích mở tài khoản: (Purpose)  Thanh toán hàng hóa, dịch vụ (Payment for goods and services)  Thanh toán lương (Salary)  
 Gửi tiền có kỳ hạn (Time deposit)  Khác: ..... (Others)

- Chữ ký trên các giao dịch tài khoản với ngân hàng (Signature(s) required on account transactions with bank):
  - Giao dịch trên tài khoản (Account transactions)  Chữ ký của một trong các chủ tài khoản chung (Signature of one of the joint account holders)  
 Chữ ký của tất cả các chủ tài khoản chung (Signatures of all joint account holders)
  - Phong tỏa, đóng tài khoản: (Closing, blockade of account)  Chữ ký của một trong các chủ tài khoản chung (Signature of one of the joint account holders)  
 Chữ ký của tất cả các chủ tài khoản chung (Signatures of all joint account holders)

- Các yêu cầu về sổ phụ (Requests for statement):
  - Sổ phụ tài khoản (Statement):  
 Gửi bưu điện (Via post)  Nhận tại ngân hàng (Collected at the Bank)  Gửi qua Email: ..... (Via email)
  - Chu kỳ nhận sổ phụ (Statement delivery frequency):  
 Hàng ngày (Daily)  Hàng tháng (Monthly)  Khi có yêu cầu (Upon request)
- Các yêu cầu khác (Other requests):  
 Tất cả chủ tài khoản yêu cầu (All account holders request)  
 Một trong các chủ tài khoản yêu cầu. Tên chủ tài khoản yêu cầu: ..... (One of the account holders requests. Requested account holder name)

**3. Đăng ký dịch vụ (Registered services)**

SMS nhận tin nhắn biến động số dư tài khoản (các nhà mạng tại Việt Nam: Mobifone, Vinaphone, Viettel, ...) (SMS notice of changes in account balance) (Telecommunication suppliers in Vietnam include Mobifone, Vinaphone, Viettel, ...)

**Thông tin người sử dụng (User's information):**

Họ và tên: ..... CMND/CC/CCCD/Hộ chiếu: .....  
(Full name) (ID/Citizen ID/Passport No.)

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
(Date of issue) (Place of issue)

Tài khoản đăng ký: ..... Số điện thoại: .....  
(Registered account) (Phone number)

Dịch vụ khác: theo biểu mẫu của SAIGONBANK (Other) (According to SAIGONBANK's form)

**VI. CÁC YÊU CẦU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG (OTHER REQUESTS)**

**Thỏa thuận pháp lý:** bao gồm các thỏa thuận được thiết lập bằng văn bản giữa tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước về ủy thác, ủy quyền đối với việc quản lý và sử dụng tiền, tài sản. (Legal agreements are written agreements between domestic and foreign organizations and individuals about a trust, an authorization of managing and utilizing funds, assets.)

Quý khách có sử dụng tài khoản tại SAIGONBANK để thực hiện Thỏa thuận pháp lý nêu trên không?

(Do you use the account opened at SAIGONBANK to perform legal agreements above)

Có. Điền Mẫu số 21 (Yes. Please fill out form 21)  Không (No)

**CHỮ KÝ MẪU VÀ MẪU DẤU (Specimen Signature & Stamp)**

<b>Họ tên và chức vụ</b> <i>(Full name and Position)</i>	<b>CMND/CC/CCCD/Hộ Chiếu</b> <i>(ID/Citizen ID/Passport)</i>	<b>Mẫu 1</b> <i>(Specimen 1)</i>	<b>Mẫu 2</b> <i>(Specimen 2)</i>
<b>CHỦ TÀI KHOẢN THỨ NHẤT</b> <i>(1<sup>ST</sup> ACCOUNT HOLDER)</i>			
<b>1. Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản</b> <i>(Legal representative of account holder)</i> Người đại diện hợp pháp thứ nhất <i>(First legal representative)</i> Họ tên: ..... <i>(Full name)</i> Chức vụ: ..... <i>(Position)</i>	Số: ..... <i>(No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp:..... <i>(Place of issue)</i>		
Người đại diện hợp pháp thứ hai <i>(Second legal representative)</i> Họ tên: ..... <i>(Full name)</i> Chức vụ: ..... <i>(Position)</i>	Số: ..... <i>(No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp:..... <i>(Place of issue)</i>		
<b>2. Kế toán trưởng/người phụ trách kế toán</b> <i>(Chief Accountant/ The person in charge of accounting)</i> Họ tên: ..... <i>(Full name)</i> Chức vụ: ..... <i>(Position)</i>	Số: ..... <i>(No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp:..... <i>(Place of issue)</i>		
Người được ủy quyền <i>(Authorized person)</i> Họ tên: ..... <i>(Name)</i> Văn bản ủy quyền số:..... <i>(Procuration No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of Authorized)</i> Thời hạn ủy quyền: ..... <i>(Period of Authorized)</i> Phạm vi ủy quyền: ..... <i>(Scope of Authorized)</i>	Số: ..... <i>(No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp:..... <i>(Place of issue)</i>		
<b>CHỦ TÀI KHOẢN THỨ HAI</b> <i>(2<sup>ND</sup> ACCOUNT HOLDER)</i>			
<b>1. Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản</b> <i>(Legal representative of account holder)</i> Người đại diện hợp pháp thứ nhất <i>(First legal representative)</i> Họ tên: ..... <i>(Full name)</i> Chức vụ: ..... <i>(Position)</i>	Số: ..... <i>(No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp:..... <i>(Place of issue)</i>		



Người đại diện hợp pháp thứ hai <i>(Second legal representative)</i> Họ tên: ..... <i>(Full name)</i> Chức vụ: ..... <i>(Position)</i>	Số: ..... <i>(No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp:..... <i>(Place of issue)</i>		
<b>2. Kế toán trưởng/người phụ trách kế toán</b> <i>(Chief Accountant/ The person in charge of accounting)</i> Họ tên: ..... <i>(Full name)</i> Chức vụ: ..... <i>(Position)</i>	Số: ..... <i>(No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp:..... <i>(Place of issue)</i>		
Người được ủy quyền <i>(Authorized person)</i> Họ tên: ..... <i>(Name)</i> Văn bản ủy quyền số:..... <i>(Procuration No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of Authorized)</i> Thời hạn ủy quyền: ..... <i>(Period of Authorized)</i> Phạm vi ủy quyền: ..... <i>(Scope of Authorized)</i>	Số: ..... <i>(No.)</i> Ngày: ..... <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp:..... <i>(Place of issue)</i>		
<b>MẪU DẤU</b> <i>(Stamp Specimen)</i>			
<b>GIẤY TỜ ĐÍNH KÈM</b> <i>(Documents enclosed)</i> <input type="checkbox"/> Quyết định /Giấy phép thành lập doanh nghiệp <i>(The Establishment Decision/ Licence)</i> <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <i>(The Business Registration Certificate)</i> <input type="checkbox"/> Quyết định bổ nhiệm chức vụ của người đại diện hợp pháp <i>(The Appointment decision of Legal Representative)</i> <input type="checkbox"/> Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng <i>(The Appointment decision of Chief Accountant)</i>			
<input type="checkbox"/> CMND/CC/CCCD/HC người đại diện hợp pháp <i>(Legal Representative's ID/Citizen ID/Passport)</i> <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thuế <i>(Certificate of tax registration)</i> <input type="checkbox"/> Các giấy tờ có liên quan: ..... <i>(Other Relevant Documents)</i>			
<b>B. PHẦN HỢP ĐỒNG MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CHUNG</b> <b><i>(CONTRACT FOR OPENNING AND USING THE JOINT ACCOUNT)</i></b>			
<b>I. THÔNG TIN CÁC BÊN</b> <i>(PARTY INFORMATION)</i>			
<b>Bên cung cấp dịch vụ (SAIGONBANK)</b> <i>Service Provider (SAIGONBANK)</i>		<b>Bên sử dụng dịch vụ (Khách hàng)</b> <i>Service Consumer (Customer)</i>	

SAIGONBANK - Chi nhánh (Branch): ..... Người đại diện: ..... (Legal representative) Chức vụ: ..... (Position) Theo Giấy ủy quyền số ..... ngày ..... (Written authorisation No.....date.....)	Chủ tài khoản thứ nhất: ..... (1 <sup>st</sup> account holder) Người đại diện: ..... (Legal representative) Chức vụ: ..... (Position)
	Chủ tài khoản thứ hai: ..... (2 <sup>nd</sup> account holder) Người đại diện: ..... (Legal representative) Chức vụ: ..... (Position)
	Các thông tin khác có liên quan của khách hàng (nếu có) được thể hiện tại Phần A của văn bản này) (Other relevant customer information (if any) is shown in Part A of this document)

Khách hàng đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ ngân hàng với các thông tin cụ thể đã nêu tại Phần A của văn bản này và SAIGONBANK đồng ý cung ứng dịch vụ theo các thỏa thuận cụ thể sau:  
(The customer requests to open an account and to use banking services with the specific information stated in Part A of this document and SAIGONBANK agrees to provide such services under the following specific agreements):

**II. THỎA THUẬN CỤ THỂ (SPECIFIC AGREEMENT)**

- Bên sử dụng dịch vụ đã được Bên cung cấp dịch vụ cung cấp đầy đủ thông tin về mở và sử dụng tài khoản, Bên sử dụng dịch vụ đã đọc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ, thông tin khác có liên quan tại văn bản *Điều khoản, điều kiện mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại SAIGONBANK, Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân và tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản* này.

*The Service Consumer has been provided by the Service Provider with full information about opening and using a account, the Service Consumer has read and understood the rights and obligations, other relevant information in the written Terms and Conditions for opening and using a current account at SAIGONBANK, General trading conditions on personal data protection and this Request and Contract to open and use account.*
- Bên cung cấp dịch vụ và Bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là Hai bên) cùng đồng ý rằng văn bản *Điều khoản, điều kiện mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại SAIGONBANK và Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân* là nội dung không tách rời *Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản*.

*The Service Provider and the Service Consumer (hereinafter referred to as the Two Parties) agree that the Terms and Conditions for opening and using current account at SAIGONBANK and General trading conditions on personal data protection is inseparable from the Request and Contract to open and use account.*
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ nêu tại văn bản *Điều khoản, điều kiện mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại SAIGONBANK, Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân và tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản* này. Khách hàng đồng ý cập nhật các Điều khoản và điều kiện này theo từng thời kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử của SAIGONBANK tại địa chỉ <https://www.saigonbank.com.vn> hoặc các kênh cung cấp dịch vụ khác của SAIGONBANK.

*The Two Parties commit to fully fulfill the rights and obligations mentioned in the Terms and Conditions for opening and using current account at SAIGONBANK, General trading conditions on personal data protection and in this Request and Contract to open and use account. Customers agree to update these Terms and Conditions from time to time as published on SAIGONBANK's website at https://www.saigonbank.com.vn or other service delivery channels of SAIGONBANK.*
- Bên sử dụng dịch vụ cam kết mọi thông tin đã kê khai, cung cấp, đăng ký là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm với những thông tin đã đăng ký như trên.

*The Service Consumer hereby confirms that the registered details are true and correct and shall bear full responsibility for the above registered details.*
- Trong quá trình mở và sử dụng tài khoản, Bên cung cấp dịch vụ có thể đề nghị Bên sử dụng dịch vụ cung cấp thêm các giấy tờ và thông tin theo quy định của pháp luật và quy định của SAIGONBANK.

*During the process of opening and using the account, SAIGONBANK could require additional documents and information according to the Government's laws and Rules of SAIGONBANK.*

6. Bằng việc đánh dấu vào những ô thích hợp và ký tên vào *Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản* này, Bên sử dụng dịch vụ cam kết đã khai báo trung thực về tình trạng thuế của mình theo luật thuế Hoa Kỳ. Bên sử dụng dịch vụ hiểu rằng việc khai báo không đúng hoặc gây hiểu lầm về tình trạng thuế của mình với tư cách công dân Hoa Kỳ sẽ dẫn tới việc vi phạm luật pháp Hoa Kỳ. Bên sử dụng dịch vụ đồng ý cho Bên cung cấp dịch vụ được phép cung cấp tất cả các thông tin của Bên sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam, theo yêu cầu của chính phủ Hoa Kỳ và đạo luật FATCA (*Foreign Account Tax Compliance Act: Là Đạo luật tuân thủ Thuế đối với tài khoản nước ngoài do Chính phủ Hoa Kỳ thông qua vào ngày 18/03/2010 với mục đích là thu thập các thông tin hoặc dữ liệu liên quan đến các đối tượng nộp thuế của Hoa Kỳ (cá nhân và tổ chức) từ các định chế tài chính nước ngoài*).  
*By checking the appropriate boxes and signing this Request and Contract to open and use account, The Service Consumer, hereby undertakes to declare his/her/their tax status under US tax law in a true and correct way. The Service Consumer understands that a false statement or misrepresentation of his/her/their tax status as a US person could lead to violation of the US law. The Service Consumer agrees to allow The Service Provider to provide the Service Consumer's Account Information according to Vietnam Government's laws, US Government's Requests and FATCA. (Foreign Account Tax Compliance Act (FATCA) was enacted on 18 March 2010 by the US Congress applied to US taxpayers using foreign account. The purpose of FATCA is to collect information or data relating to U.S. taxpayers (individual or organization) from Foreign Financial Institutions outside the US).*

7. Trong trường hợp Bên sử dụng dịch vụ đăng ký mở tài khoản vốn đầu tư tại SAIGONBANK thì SAIGONBANK là ngân hàng duy nhất Bên sử dụng dịch vụ mở tài khoản để thực hiện các giao dịch theo quy định của pháp luật.  
*In case the Service Consumer applies to open an investment account at SAIGONBANK, SAIGONBANK shall be the only bank at which the Service Consumer opens the account to perform transactions according to Government's laws.*

8. Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản này thay thế tất cả các Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã giao kết trước đây (nếu có).  
*This Request and Contract to open and use account replaces all previously signed Requests and Contracts to open and use account (if any).*

9. Giấy đề nghị kèm hợp đồng này gồm 11 trang, được lập thành hai (02) bản, mỗi Bên giữ một (01) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.  
*This Request and Contract to open and use current account consisting of 11 pages, is made up of two (02) copies, each Party keeps one (01) copy, the copies have the same legal validity.*

Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng Việt thì nội dung Tiếng Việt có giá trị ưu tiên áp dụng.

*Should any conflicts between English and Vietnamese versions arise, Vietnamese version shall prevail for application*

**Đại diện SAIGONBANK**  
*(For and On behalf of SAIGONBANK)*  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)  
*(Signature, Full name, Stamp)*

**Chủ tài khoản thứ nhất**  
*(1<sup>st</sup> account holder)*  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)  
*(Signature, Full name, Stamp)*

**Chủ tài khoản thứ hai**  
*(2<sup>nd</sup> account holder)*  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)  
*(Signature, Full name, Stamp)*

**PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank use only)**

- Ngày mở tài khoản (*A/c opening date*): .....  
 - Ngày hiệu lực (*Effective date*): .....

- Số tài khoản VND (*VND A/C No.*): .....  
 - Số tài khoản USD (*USD A/C No.*): .....  
 - Số tài khoản khác (*Other A/C No.*): .....

**Giao dịch viên**  
*Teller*

**Kiểm soát**  
*Supervisor*